

Bản án số: 20/2023/HSST
Ngày 29- 3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh – Giáo viên nghỉ hưu

Ông Cao Văn Tân- Phó hiệu trưởng trường THCS xã M

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm trực T2 công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn V, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2003 tại Hải Phòng; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú: Thôn L2, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T2, sinh năm 1967 và bà Vũ Thị N1, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/10/2022 đến ngày 03/11/2022 chuyển tạm giam, có mặt.

2. Phạm Hữu N, sinh ngày 11 tháng 12 năm 1994, tại Hải Phòng; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú: Tổ 9, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu N2, sinh năm 1966 và bà Lê Thị M1, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/10/2022 đến ngày 03/11/2022 chuyển tạm giam, có mặt.

3. Phạm Hữu K, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2000, tại Hải Phòng; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú: Tổ 9, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T3, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1979; có vợ là Nguyễn Thị N4, sinh năm 2002, có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/10/2022 đến ngày 03/11/2022 chuyển tạm giam, có mặt.

4. Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2005, tại thành phố Hồ Chí Minh (tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội là 17 tuổi 6 tháng 28 ngày); giới tính: Nữ; nơi đăng ký thường trú: Số 1516/25 Ba Tơ, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: Thôn 3, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1978 và bà Bùi Thị H1, sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/10/2022 đến ngày 03/11/2022 chuyển tạm giam, có mặt.

5. Nguyễn Thế T, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1995, tại Hải Phòng; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú: Tổ 2, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế T5, sinh năm 1970 và bà Đinh Thị N5, sinh năm 1973; có vợ là Vi Thị X1, sinh năm 1997, có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/02/2023, có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Ngọc M: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1978 và bà Bùi Thị H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 1516/25 đường Ba Tơ, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh (là bố mẹ đẻ của bị cáo), ông Hương vắng mặt, bà H6 có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc M: Ông Phạm Duy K1, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng, có mặt.

Đại diện Đoàn thanh niên xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng: Ông Trịnh Minh D – Phó Bí thư Đoàn thanh niên xã M huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Đại diện trường Trung học phổ thông N, huyện K, thành phố Hải Phòng: Ông Nguyễn Minh T1 – Phó hiệu trưởng trường Trung học phổ thông N, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 29/10/2022, trong lúc ngồi chơi, uống nước tại xã T, huyện K, Hải Phòng, Phạm Hữu K, Phạm Văn V và Phạm Hữu N thống nhất với nhau về việc đi hát tại quán Nhà nghỉ - Karaoke T và mua ma túy để cả nhóm sử dụng. Do có quan hệ tình cảm với Nguyễn Ngọc M là nhân viên quán Nhà nghỉ -

Karaoke T, V nhắn tin cho M nhờ mua 02 gam ma túy Ketamine và 03 viên ma túy MDMA để cả nhóm đến hát và sử dụng ma túy. M nhắn tin cho Nguyễn Thế T trao đổi mua ma túy với giá 3.600.000 đồng và thông báo cho V biết. Đến khoảng 20 giờ 34 phút cùng ngày, K sử dụng điện thoại chuyển khoản 3.300.000 đồng vào tài khoản của V để mua ma túy. Sau khi nhận được tiền và được M thông báo tiền mua ma túy, V chuyển khoản 3.600.000 đồng sang tài khoản của M (chủ tài khoản đứng tên của V, nhưng V cho M số tài khoản này từ trước để M sử dụng) để M mua ma túy. Nhận được tiền, M dùng điện thoại chuyển khoản 3.600.000 đồng cho T. Sau khi có tiền vào tài khoản, T điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát 15A-397.01 đi đến khu vực đình thôn Đ1, xã Đ, huyện K mua 02 gam ma túy Ketamine và 03 viên ma túy MDMA của một người đàn ông không quen biết với giá 3.200.000 đồng rồi đi về gần khu vực cửa quán Nhà nghỉ - Karaoke T giao ma túy cho M.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, khi V, K, N đến quán Nhà nghỉ - Karaoke T được M sắp xếp lên phòng hát trên tầng ba của quán, sau đó M bảo Đinh Thị Ngọc Y là nhân viên của quán vào phục vụ khách cùng mình. M lấy đĩa sứ, thẻ nhựa có sẵn ở quán mang vào phòng hát để trên bàn và lấy túi ma túy mua trước đó để lên đĩa. Thấy đĩa ma túy nên N lấy 01 viên MDMA bẻ đôi, tự sử dụng hết $\frac{1}{2}$ viên, còn lại để vào túi nilon ở đĩa. M cầm 01 viên MDMA bẻ đôi, tự sử dụng $\frac{1}{2}$ viên và đưa $\frac{1}{2}$ viên còn lại cho V sử dụng. V tiếp tục cầm 01 viên MDMA bẻ đôi, đưa cho K và Yến mỗi người $\frac{1}{2}$ viên để K và Yến sử dụng. Thấy trên bàn còn $\frac{1}{2}$ viên MDMA, M đưa cho K để sử dụng. Khoảng 10 phút sau, M đổ túi Ketamin ra đĩa sứ, dùng thẻ nhựa đánh mịn ma túy và kẻ thành các đường thẳng nhỏ. Lúc này, V bảo N đưa bao thuốc lá rồi lấy từ trong túi của K ra 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng để cuộn tờ tiền thành ống hút, lấy 02 vỏ đầu lọc thuốc lá cố định tờ tiền nhưng do không cuộn được nên V đưa cho M để M cuộn ống hút. Khi cuộn xong, M đưa đĩa ma túy cho K và V sử dụng, sau đó M tự sử dụng và để đĩa ma túy xuống bàn cạnh vị trí của Yến đang ngồi. Thấy đĩa ma túy ở cạnh Yến, N chỉ tay vào đĩa ma túy mục đích bảo Yến đưa đĩa ma túy cho N để N sử dụng; Yến thấy vậy, tự hiểu cầm đĩa ma túy đưa cho N, N cầm và sử dụng, sau đó N đưa lại cho Yến sử dụng. Khi sử dụng xong, Yến để đĩa ma túy xuống bàn, sau đó các đối tượng tự lấy đĩa ma túy để sử dụng.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 30/10/2022, N thấy mọi người đã sử dụng gần hết ma túy Ketamine nên bảo V mua thêm ma túy để cả nhóm sử dụng. V bảo M lấy thêm 01 gam ma túy Ketamine và 01 viên ma túy MDMA. M đồng ý và tiếp tục nhắn tin trao đổi mua ma túy của T với giá 1.700.000 đồng và thông báo cho cho V, đồng thời cho V số tài khoản của T để V tự chuyển tiền mua ma túy. Sau đó, V bảo K chuyển cho V 1.700.000 đồng. Khi nhận được tiền do K chuyển khoản, V trực tiếp chuyển khoản 1.700.000 đồng cho T. Nhận được tiền, T tiếp tục điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát 15A-397.01 đến khu vực đình thôn Đ1, xã Đ mua

01 gam ma túy Ketamine và 01 viên ma túy MDMA của người đàn ông lúc trước với giá 1.300.000 đồng rồi về gần khu vực cửa quán Nhà nghỉ - Karaoke T. T thấy có một người phụ nữ đi ra xe của T nên T kéo cửa kính xe ô tô xuống rồi đưa ma túy cho người phụ nữ này nhưng không biết người này là ai. Đến 01 giờ 40 phút ngày 30/10/2022, khi K và cả nhóm đang sử dụng ma túy trên phòng hát thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện, thu giữ trên mặt bàn 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục, bên trên mặt đĩa có chất bột màu trắng (niêm phong ký hiệu M1); 01 ống hút được cuộn từ tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 01 thẻ nhựa màu xanh Fecredit và 03 túi nilon nhỏ. Phạm Hữu K giao nộp 01 điện thoại Iphone 14 Promax, 01 điện thoại Nokia 105; Phạm Văn V giao nộp 01 điện thoại Iphone 13 Promax; Nguyễn Ngọc M giao nộp 01 điện thoại Iphone 6S.

Ngoài ra, K, V, N, M và Y khai: Đối với lần mua ma túy sau thì cả nhóm chưa nhận được ma túy để sử dụng. Số ma túy còn lại trong phòng hát và bị thu giữ, nếu không bị phát hiện cả nhóm sẽ sử dụng hết.

Kết luận giám định số 595/KL-KTHS(MT) ngày 31/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chất một màu trắng thu giữ tại phòng hát là ma túy Ketamine, khối lượng 0,61 gam. Các mẫu nước tiểu của Phạm Văn V, Phạm Hữu K, Phạm Hữu N, Đinh Thị Ngọc Y, Nguyễn Ngọc M đều tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSKT ngày 10 tháng 3 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo Phạm Hữu K, Phạm Văn V, Phạm Hữu N và Nguyễn Ngọc M phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thế T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Đinh Thị Ngọc Y có hành vi đưa đĩa ma túy cho N để N sử dụng trái phép chất ma túy là có dấu hiệu phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên hành vi của Y là đơn giản, tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, nhân thân chưa có tiền án tiền sự và là người dưới 18 tuổi. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự, Công an huyện K đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Y về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với người đàn ông bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Thế T tại khu vực đình Đ1, xã Đ, huyện K và người phụ nữ nhận ma túy lần 2 của T; đến nay Cơ quan điều tra chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ của hai người này nên tách ra để xử lý sau.

Bà Phạm Thị G và ông Nguyễn Văn Đ là chủ cơ sở kinh doanh và là người quản lý quán Nhà nghỉ - Karaoke T nhưng không biết việc các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại quán; chiếc thẻ nhựa FeCredit do Cơ quan Công an thu giữ thuộc sở hữu của bà Phạm Thị G, tuy nhiên bà G để thẻ tại quán, không

biết việc M lấy và sử dụng vào việc phạm tội nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà G, ông Đ.

Xe ô tô Biển kiểm soát 15A-397.01 thuộc sở hữu của bà Đinh Thị N6, sinh năm 1966, trú tại tổ 2, phường H, quận D, Hải Phòng. Bà N6 cho Nguyễn Thế T mượn xe nhưng không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe ô tô Biển kiểm soát 15A-397.01 cho bà N6.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Phạm Hữu K, Phạm Văn V, Phạm Hữu N, Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Thế T về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự (thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Hữu K), xử phạt bị cáo Phạm Văn V, Phạm Hữu N, Phạm Hữu K mỗi bị cáo từ 07- 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ 31/10/2022;

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc M từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2022.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T từ 08 – 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/02/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng là công cụ dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng gồm: 01 đĩa sứ; 01 thẻ nhựa màu xanh, 02 vỏ đầu lọc thuốc lá; 03 túi ni lon; Phong bì niêm phong số 595MT/PC09; Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 14 Promax, số Imei 359056815300909; 01 điện thoại 13 Promax, số Imei 358863663952132; 01 điện thoại Iphone 6S số Model A1687FCC ID: BCG-E2944A; trả lại cho bị cáo Phạm Hữu K 01 điện thoại Nokia màu đen số Imei 357723103217159 nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; buộc bị cáo Nguyễn Thế T nộp lại 800.000 đồng là tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

- Ý kiến của các bị cáo Phạm Hữu K, Phạm Văn V, Phạm Hữu N, Nguyễn Ngọc M: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố là đúng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Nguyễn Thế T không thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu, bị cáo khai rằng các bản tự khai, biên

bản ghi lời khai và các biên bản hỏi cung bị cáo trong quá trình điều tra không thể hiện đúng ý chí của bị cáo, bị cáo không thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với nhóm các bị cáo Nguyễn Ngọc M, Phạm Văn V.

- Quan điểm của ông Phạm Duy K1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc M: Ông Trợ giúp viên không tranh luận về tội danh và điều luật mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố đối với bị cáo M, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề như sau:

+ Tính chất hành vi phạm tội của bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo V, N, K là người đề xuất, chủ động trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo M chỉ là người thụ động, không có tính vụ lợi hay mưu cầu lợi ích trong việc cung cấp chất ma túy để sử dụng nên vai trò của bị cáo thấp hơn so với các bị cáo khác.

+ Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo mới 17 tuổi 6 tháng 28 ngày nên bị cáo chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý cũng như sự nhận thức pháp luật còn rất hạn chế nên bị cáo không lường trước được hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo và cũng không có ý thức phạm tội với người dưới 18 tuổi do bị cáo không biết rõ tuổi của các đối tượng khác.

+ Hoàn cảnh của gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo không được sự quan tâm chăm sóc, giáo dục của gia đình, bản thân bị cáo mới học hết lớp 9, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng triệt để Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự để cân nhắc, đánh giá mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để xử bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa.

- Ý kiến của bà Bùi Thị H6 là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Ngọc M: Đồng ý với bài bào chữa của ông Trợ giúp viên pháp lý và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M.

- Đại diện Đoàn thanh niên xã T là bà Nguyễn Nhật T8 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Phạm Hữu

K, Phạm Văn V, Phạm Hữu N, Nguyễn Ngọc M; người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Ngọc M và người bào chữa cho bị cáo M không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thế T khai trong quá trình điều tra bị ép cung nhưng bị cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bị cáo bị ép cung nên không có căn cứ để chấp nhận. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố đối với các bị cáo:

[2.1] Đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”:

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn V, Phạm Hữu K, Phạm Hữu N, Nguyễn Ngọc M khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi N vụ liên quan, người chứng kiến, vật chứng thu giữ được, kết luận giám định cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng từ 23 giờ ngày 29/10/2022 đến 01 giờ 40 phút ngày 30/10/2022, tại Nhà nghỉ - Karaoke T ở thôn Hồi Xuân, xã T, huyện K, các bị cáo Phạm Văn V, Phạm Hữu K, Phạm Hữu N, Nguyễn Ngọc M đã cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy MDMA và Ketamine thì bị phát hiện bắt quả tang. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật cấm, thấy trước được tác hại của hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng với mong muốn sử dụng ma túy cũng như đưa được chất ma túy vào cơ thể người khác một cách trái phép các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Văn V, Phạm Hữu K, Phạm Hữu N, Nguyễn Ngọc M đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[2.3] Đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thế T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu, bị cáo khai các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo trong quá trình điều tra không phản ánh đúng ý chí của bị cáo, bị cáo không có hành vi mua bán trái phép chất ma túy với nhóm các bị cáo Nguyễn Ngọc M và khai báo quanh co, chối tội. Mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng căn cứ vào lời khai của các bị cáo Phạm Văn V, Phạm Hữu K, Phạm Hữu N, Nguyễn Ngọc M trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo T trong quá trình điều tra, căn cứ vào vật chứng thu giữ được, kết luận giám định cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 29/10/2022 và khoảng 00 giờ 30 phút ngày 30/10/2022 bị cáo Nguyễn Thế T đã thực hiện 02 lần giao dịch mua bán trái phép chất ma túy lần lượt với giá là 3.600.000 đồng và

1.700.000 đồng với bị cáo Nguyễn Ngọc M và được hưởng lợi 800.000 đồng. Bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện, do đó hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự. Không có căn cứ để chấp nhận lời khai của bị cáo là bị ép cung nên bị cáo khai khác với ý chí của mình.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

[3.1] Đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”: Các bị cáo Phạm Văn V, Phạm Hữu K, Phạm Hữu N, Nguyễn Ngọc M có hành vi cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và để Đinh Thị Ngọc Y cùng sử dụng trái phép chất ma túy khi Đinh Thị Ngọc Y mới 16 tuổi 7 tháng 12 ngày nên hành vi của các bị cáo phải chịu các tình tiết định khung là “từ 02 người trở lên” và “phạm tội đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

[3.2] Đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”: Bị cáo Nguyễn Thế T có hành vi giao dịch mua bán trái phép chất ma túy với Nguyễn Ngọc M 02 lần vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 29/10/2022 và khoảng 00 giờ 30 phút ngày 30/10/2022. Mặc dù lần bán ma túy thứ hai cho Nguyễn Ngọc M bị cáo T khai giao ma túy cho 1 người phụ nữ bị cáo không biết là ai và bị cáo Nguyễn Ngọc M khai chưa nhận được ma túy mua lần hai từ bị cáo T nhưng trên thực tế bị cáo T đã thực hiện 02 lần mua bán ma túy và được hưởng lợi số tiền 800.000 đồng. Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, vật chứng khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận bị cáo T có hành vi mua bán trái phép chất ma túy 02 lần, do đó hành vi của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo tình tiết định khung “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự như kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của các bị cáo không vi phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn V, Phạm Hữu K, Phạm Hữu N, Nguyễn Ngọc M đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng cho cả bốn bị cáo V, K, N, M khi quyết định hình phạt. Gia đình bị cáo Phạm Hữu K xuất trình đơn

đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện gia đình bị cáo là gia đình chính sách, có thân nhân là liệt sĩ; đại diện Đoàn thanh niên xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Ngọc M, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng cho bị cáo K, M. Mặt khác bị cáo Nguyễn Ngọc M khi phạm tội mới 17 tuổi 6 tháng 28 ngày nên cần áp dụng Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự để xem xét mức hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội.

+ Đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thế T thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nhưng tại phiên tòa bị cáo chối tội, không thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo. Trong quá trình xét hỏi bị cáo khai báo quanh co, chối tội nhưng sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát kết luận về vụ án bị cáo không tranh luận, không có ý kiến gì với kết luận của đại diện Viện kiểm sát. Tại phần nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo T ban đầu thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đại diện Viện kiểm sát đã truy tố là đúng nhưng sau đó bị cáo lại kêu oan. Xét trong quá trình điều tra mặc dù bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nhưng tại phiên tòa bị cáo lại quanh co chối tội, kêu oan, khai bị ép cung thể hiện bị cáo không thực sự thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó Hội đồng xét xử không cho bị cáo Nguyễn Thế T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Đánh giá tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước ta về chất ma túy và việc sử dụng chất ma túy vào mục đích chữa bệnh mà còn xâm hại trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, làm lan tràn tệ nạn ma túy, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật là rất cần thiết.

[5.1] Đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”:

Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo Phạm Văn V, Phạm Hữu K, Phạm Hữu N đều chủ động thống nhất trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên hành vi của các bị cáo cơ bản N6ng nhau. Tuy nhiên Hội đồng xét xử đánh giá hành vi của bị cáo V chủ động, tích cực hơn so với bị cáo K, N: Bị cáo V là người chủ động đặt phòng hát, chỉ đạo bị cáo M mua ma túy để sử dụng, nhận tiền từ bị cáo K để chuyển cho bị cáo M trả tiền mua ma túy và trực tiếp trả tiền mua ma túy 01 lần; trong quá trình sử dụng trái phép chất ma túy thì bị

cáo V đưa ma túy cho K và Yến để sử dụng, cuộn ống hút để sử dụng ma túy, do đó Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo có vai trò cao nhất nên mức án của bị cáo cao nhất và phải trên khởi điểm của khung hình phạt. Bị cáo Phạm Hữu K và bị cáo Phạm Hữu N có vai trò cơ bản N6ng nhau nên mức hình phạt N6ng nhau và thấp hơn so với bị cáo V. Bị cáo Nguyễn Ngọc M phạm tội với vai trò đồng phạm, giúp sức tích cực cho các bị cáo V, K, N trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tuy nhiên bị cáo chủ yếu thực hiện theo sự chỉ đạo, phân công của bị cáo V nên bị cáo có vai trò thấp hơn so với bị cáo V. Mặt khác bị cáo M phạm tội khi mới 17 tuổi 6 tháng 28 ngày nên áp dụng Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo mức án phù hợp với chế độ K1n hồng của Nhà nước ta đối với người chưa thành niên phạm tội đồng thời đảm bảo được tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5.2] Đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”:

Bị cáo Nguyễn Thế T có hành vi mua bán trái phép chất ma túy 02 lần; căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy cần xử bị cáo mức án trên khởi điểm của khung hình phạt mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đồng thời có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Ngoài ra khoản 5 Điều 255 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo tài liệu điều tra xác minh có trong hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo Phạm Văn V, Phạm Hữu K, Phạm Hữu N, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thế T không có nghề nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định và không có tài sản riêng, mặt khác bị cáo M là người dưới 18 tuổi phạm tội do vậy Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra thu giữ các vật chứng gồm: 01 đĩa sứ; 01 thẻ nhựa màu xanh, 02 vỏ đầu lọc thuốc lá; 03 túi ni lon; 01 phong bì chứa chất ma túy còn lại sau giám định niêm phong số 595MT/PC09. Xét đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành và là phương tiện, dụng cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại Iphone 14 Promax, số Imei 359056815300909 thu giữ của bị cáo Phạm Hữu K; 01 điện thoại 13 Promax, số Imei 358863663952132 thu giữ của bị cáo Phạm Văn V,; 01 điện thoại Iphone 6S số Model A1687FCC ID: BCG-E2944A thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc M; 01 tờ tiền Polime mệnh giá 50.000 đồng là dụng cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- 01 điện thoại Nokia màu đen, số Imei 357723103217159 thu giữ của bị cáo Phạm Hữu K, bị cáo không sử dụng điện thoại này vào việc phạm tội và có đề

ngợi xin lại nên trả lại cho bị cáo Phạm Hữu K nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Bị cáo Nguyễn Thế T được hưởng lợi số tiền 800.000 đồng từ việc mua bán trái phép chất ma túy nên cần buộc bị cáo T nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn V, Phạm Hữu K, Phạm Hữu N, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thế T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; do bị cáo M là người dưới 18 tuổi, không có tài sản nên án phí của bị cáo Nguyễn Ngọc M do người đại diện hợp pháp của bị cáo nộp thay.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn V 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2022.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hữu N 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2022.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hữu K 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2022.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc M 05 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2022.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 03/02/2023.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

+ Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 đĩa sù; 01 thẻ nhựa màu xanh, 02 vỏ đầu lọc thuốc lá; 03 túi ni lon; 01 phong bì niêm phong số 595MT/PC09;

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 14 Promax, số Imei 359056815300909; 01 điện thoại 13 Promax, số Imei 358863663952132; 01 điện thoại Iphone 6S số Model A1687FCC ID: BCG-E2944A.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thế T nộp lại số tiền 800.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Hữu K 01 điện thoại Nokia màu đen, số Imei 3577231032227159 nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng)

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Phạm Văn V, Phạm Hữu K, Phạm Hữu N, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thế T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; án phí của bị cáo Nguyễn Ngọc M do người đại diện hợp pháp cho bị cáo nộp thay.

Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo Phạm Văn V, Phạm Hữu K, Phạm Hữu N, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thế T, người đại diện hợp pháp cho bị cáo M, người bào chữa cho bị cáo M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi N vụ liên quan và người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, N vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND; VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Cơ quan điều tra công an huyện K;
- Cơ quan THAHSCA huyện K;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo M;
- Người có quyền lợi N vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi N vụ liên quan;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang

